

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH AN
TỈNH CAO BẰNG**

**HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2020/HSST

Ngày 10/12/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH AN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Đức Anh

2. Ông Trần Đình Vỹ

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Võ Thị Xuân Ký

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa: Ông Đàm Hải Thao - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 12 năm 2020 Tòa án nhân dân huyện Thạch An xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 24/2020/TLST-HS, ngày 27/10/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2020/QĐXX-HS ngày 30/11/2020 đối với bị cáo: Nông Minh T, sinh ngày 11 tháng 11 năm 1959, tại Q, huyện T, tỉnh C;

ĐKNKTT: Thôn Đ, xã Q, huyện T, tỉnh C;

Chỗ ở hiện nay: Thôn Đ, xã Q, huyện T, tỉnh C; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hóa: 7/10; Dân tộc: Nùng; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Con ông: Nông Văn K (Nông Trần K) – đã chết; Con bà: Chu Thị P – Sinh năm 1934; Vợ: Lương Thị H; Con 05 con; Bị cáo là con thứ 3, trong gia đình có 03 chị em.

- Tiền án; Tiền sự: Không có

Hiện nay bị cáo đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện T - Bị cáo có mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Lương Thị H – Sinh năm 1963

Trú tại: Thôn Đ, xã Q, huyện T, tỉnh C - Có mặt.

- Người làm chứng:

1. Trần Văn H - Sinh năm 1963 – Có mặt

2. Trần Văn D - Sinh năm 1971 – Có mặt

Cùng trú tại: T, xã Q, huyện T, tỉnh C.

3. Hoàng Đức C - Sinh năm 1976 – Vắng mặt

4. Lục Văn N - Sinh năm 1973 – Vắng mặt
Cùng trú tại: Thôn P, xã Q, huyện T, tỉnh C.
5. Đào Trọng B – Sinh năm 1976 – Có mặt
Trú tại: K, xã M, huyện T, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 10 giờ 00 phút, ngày 08/9/2020, tổ công tác của Công an xã Q, huyện T, tỉnh C đang làm nhiệm vụ trên đường TL 09, đến địa phận thôn Tân H, xã Q, huyện T, tỉnh C phát hiện Nông Minh T có biểu hiện tàng trữ trái phép chất ma túy, tổ công tác tiến hành kiểm tra hành chính thì phát hiện thu giữ tại túi áo ngực bên trái chiếc áo của Nông Minh T đang mặc có 01 (một) gói nhỏ được gói bằng giấy bạc màu vàng, bên trong có chứa chất bột màu trắng nghi là Heroine. Tại túi quần bên phải của T đang mặc có 01 chiếc điện thoại di động loại bàn phím, có nhãn hiệu MASSTEL, màu đen, viền đỏ, đã qua sử dụng, thu giữ trong ví số tiền 4.368.000,đ (Bốn triệu ba trăm sáu mươi tám nghìn đồng). Tiến hành kiểm tra chiếc xe mô tô của T không phát hiện thu giữ đồ vật, tài liệu gì.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã tiến hành niêm phong và thu giữ số tang vật trên, tạm giữ chiếc xe mô tô màu đỏ, nhãn hiệu HONDA RSX, BKS: 11B1 – 433. 64 đã qua sử dụng của Nông Minh T theo quy định của pháp luật. Cùng ngày 08/9/2020 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã ra lệnh khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nông Minh T. Qua khám xét không phát hiện thu giữ đồ vật, tài liệu gì.

Ngày 09/9/2020 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân huyện T tiến hành cân xác định khối lượng số chất bột thu giữ của Nông Minh T, kết quả: Cân xác định là **0,03g** (không phải không ba gam).

Ngày 09/9/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã ra quyết định trưng cầu giám định số: 18 gửi phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh C để giám định số chất bột màu trắng (nghi là Heroine), thu giữ được của Nông Minh T. Tại bản kết luận giám định số: 265/GĐMT, ngày 30/9/2020 của phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh C, kết luận: **Mẫu chất bột bên trong phong bì niêm phong gửi giám định là Ma túy, loại Heroine.**

Trong quá trình điều tra Nông Minh T khai nhận được bán trái phép chất ma túy cho 06 (sáu) người cụ thể:

Trong tháng 4/2020 Nông Minh T được bán trái phép chất ma túy (Heroine) cho Trần Văn H một lần, 01 (một) tép Heroine, với giá 100.000,đ (một trăm nghìn đồng), địa điểm mua bán ma túy tại đường cái thuộc xóm N, xã Q, huyện T, tỉnh C. Vào cuối tháng 7/2020 Nông Minh T bán trái phép chất ma túy (Heroine) cho Lê Văn G một lần, 01 (một) tép Heroine, với giá 200.000,đ (hai trăm nghìn đồng/ tép, địa điểm mua bán ma túy tại đường cái thuộc xóm T, xã Q, huyện T, tỉnh C. Ngày 31/8/2020 Nông Minh T bán trái phép chất ma túy (Heroine) cho Hoàng Đức C một lần, 01 (một) tép

Heroine, với giá 200.000,đ (hai trăm nghìn đồng/ tép, địa điểm mua bán ma túy tại đường cái thuộc xóm Đ, xã Quang T, huyện T, tỉnh C. Ngày 08/9/2020 Nông Minh T bán trái phép chất ma túy (Heroine) cho Lục Văn N một lần, 01 (một) tép Heroine, với giá 200.000,đ (hai trăm nghìn đồng/ tép, địa điểm mua bán ma túy tại đường cái thuộc xóm Tân H, xã Q, huyện T, tỉnh Cao B và bán cho Trần Văn D 01 (một) tép Heroine, với giá 200.000,đ (hai trăm nghìn đồng/ tép), địa điểm mua bán ma túy tại trước cửa nhà ông Hoàng Đức C thuộc xóm P, xã Q, huyện T, tỉnh C. Vào khoảng 9 giờ ngày 08/9/2020 Nông Minh T bán trái phép chất ma túy (Heroine) cho Đào Trọng B một lần, 01 (một) tép Heroine, với giá 200.000,đ (hai trăm nghìn đồng)/ tép, địa điểm mua bán ma túy tại thôn T, xã Q, huyện T, tỉnh Cao B.

Các lần giao dịch mua bán trái phép chất ma túy (Heroine) Nông Minh T và các đối tượng nghiện ma túy đều trao đổi trực tiếp. Tại Cơ quan điều tra Nông Minh T khai nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai của Nông Minh T phù hợp với lời khai của những người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Quá trình điều tra Nông Minh T được mua ma túy với một người đàn ông có tên thường gọi là L, khoảng 40 tuổi, cao khoảng 1m 60, da ngăm đen tại B, huyện N, tỉnh B. Ngày 16/9/2020 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã phối hợp cùng với Công an xã B, huyện N, tỉnh B, tiến hành xác minh về người đàn ông đã bán ma túy cho Nông Minh T, nhưng qua kiểm tra nhân khẩu, hộ khẩu và các đối tượng tạm trú trên địa bàn không có ai có tên và đặc điểm như mô tả.

Vật chứng vụ án gồm:

01 (một) phong bì thư bên trong có 4.368.000,đ (Bốn triệu ba trăm sáu mươi tám nghìn đồng) thu giữ của Nông Minh T; 01 (một) phong bì thư bên trong có chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel đều được niêm phong theo đúng quy định của pháp luật; Tạm giữ 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA RSX, BKS: 11B1- 433.64, màu đỏ đã qua sử dụng.

Đối với Lục Văn N, Trần Văn D, Trần Văn H, Hoàng Đức C, Đào Trọng B đã có hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”, ngày 21/10/2020 Công an huyện T đã ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo khoản 1, Điều 21, Nghị định 167/NĐ – CP, ngày 12/11/2013 của Chính phủ bằng hình thức cảnh cáo.

Đối với Lê Văn G Công an huyện T không ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, do hiện nay Lê Văn G đang chấp hành án tại trại giam Công an tỉnh C. Về hành vi “Trộm cắp tài sản”.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Lương Thị H trình bày: Do bản thân bà H không biết điều khiển xe mô tô nên đã cho chồng (T) đem số tiền 25.000.000,đ (Hai mươi năm triệu đồng) đi mua xe và đứng tên đăng ký, mục đích để chở bà H đi lại hàng ngày. Việc chồng bà (T) sử dụng xe trong việc mua bán trái phép chất ma túy bà không biết. Tại phiên tòa bà H yêu cầu được trả lại chiếc xe để phục vụ gia đình. Ngoài ra bà không có yêu cầu gì thêm.

Về vật chứng, tài sản gồm:

- 01 (một) phong bì thư niêm phong theo đúng quy định. Mặt trước phong bì thư ghi: “ Điện thoại di động của ông Nông Minh T, sinh năm 1959, trú tại: Đ, xã Q, huyện T, tỉnh C”

- 01 (một) phong bì thư niêm phong theo đúng quy định. Mặt trước phong bì thư ghi: “số tiền 4.368.000,đ (Bốn triệu ba trăm sáu mươi tám nghìn đồng) tạm giữ của Nông Minh T sinh năm 1959, trú tại: Đ, xã Q, huyện T, tỉnh C”

Tất cả các phong bì trên mặt sau có chữ ký của đối tượng và những người cùng tham gia lên phần giáp lai của phong bì thư, đóng 04 (bốn) con dấu của ban Công an xã Q, huyện T, tỉnh C tại 04 góc bì thư.

- 01 (một) ví giả da màu nâu, đã bị rách, đã qua sử dụng.

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA RSX, BKS: 11B1 433.64, xe bị vỡ gương chiếu hậu bên trái. Số máy JA 52E0 114707, số khung 3843LY 017648. Xe đã qua sử dụng.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Nông Minh T về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, bố bị cáo T được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất của Nhà nước do vậy bị cáo được hưởng thêm một tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Như Cáo trạng số: 24/CT-VKS ngày 26/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Xử phạt bị cáo Nông Minh Thụy từ 07 năm đến 08 năm tù.

- Đề nghị xử lý vật chứng theo quy định tại Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Số tiền 600.000,đ (sáu trăm nghìn đồng) là tiền do bán ma túy mà có, cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

Số tiền còn lại là 3.768.000,đ (Ba triệu bảy trăm sáu mươi tám nghìn đồng) có nguồn gốc là tiền của bị cáo đi làm thuê và là tiền do bà H vợ của bị cáo đưa cho mục đích để trả tiền vật liệu xây dựng. Không liên quan trực tiếp đến hành vi phạm tội của bị cáo. Nên cần được trả lại cho bị cáo, được giữ lại để đảm bảo cho việc thi hành án.

01 (một) chiếc điện thoại di động, bị cáo không sử dụng vào việc mua bán trái phép chất ma túy, cần trả lại cho bị cáo.

01 (một) ví giả da màu nâu, đã bị rách, đã qua sử dụng. Cần tịch thu tiêu hủy.

01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA RSX, BKS: 11B1 433.64, xe bị vỡ gương chiếu hậu bên trái. Số máy JA 52E0 114707, số khung 3843LY 017648. Xe màu đỏ đã qua sử dụng. Tiền mua chiếc xe trên do bà H vợ của bị cáo đã đưa cho bị cáo để mua chiếc xe, làm phương tiện phục vụ gia đình đi lại hàng ngày, bà H không biết gì về việc Bị cáo T sử dụng chiếc xe trên trong việc mua bán trái phép chất ma túy. Tại phiên tòa bà H yêu cầu được trả lại chiếc xe trên là có căn cứ.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Trong khoảng thời gian từ tháng 4 năm 2020 đến ngày bị bắt (ngày 08/9/2020) bị cáo Nông Minh T đi mua ma túy (Heroine) từ B, huyện N, tỉnh B về chia nhỏ bán trái phép cho nhiều người để kiếm lời, cụ thể bán cho Trần Văn H một lần, 01 (một) tép Heroine, với giá 100.000,đ (một trăm nghìn đồng), bán cho Lê Văn G, Hoàng Đức C, Lục Văn N, Trần Văn D đều trú tại xã Q, huyện T, tỉnh C và Đào Trọng B trú tại K, xã M, huyện T, tỉnh C, mỗi người 01 (một) tép Heroine, với giá 200.000,đ (hai trăm nghìn đồng/ tép). Số ma túy thu được của bị cáo Nông Minh T có tổng khối lượng là 0,03g (không phẩy không ba gam). Tại bản kết luận giám định số: 265/GĐMT, ngày 30/9/2020 của Phòng kỹ thuật Hình sự - Công an tỉnh C kết luận: Mẫu chất bột màu trắng bên trong phong bì niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Heroine.

Trong quá trình điều tra các đối tượng Trần Văn H, Lê Văn G, Hoàng Đức C, Lục Văn N, Trần Văn D và Đào Trọng B đều khai nhận được mua ma túy với bị cáo, tại phiên tòa lời khai của các đối tượng đều phù hợp với lời khai của Nông Minh T và các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa bị cáo Nông Minh T và những người làm chứng đều khai những lần trao đổi mua bán trái phép chất ma túy đều trao đổi trực tiếp. Phù hợp với lời khai có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, hành vi của bị cáo Nông Minh T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251. Cáo trạng số 24/CT-VKS ngày 26/10/2020 của VKSND huyện T tỉnh C truy tố bị cáo về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3]. Xét tính chất, mức độ phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nông Minh T là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được tác hại của ma túy, có sự hiểu biết xã hội, nhưng do hám lời nên bị cáo đã có hành vi mua bán ma túy trái phép cho các đối tượng sử dụng ma túy khác. Điều đó làm gia tăng các đối tượng nghiện ma túy, gây mất trật tự trị an xã hội tại địa phương, đồng thời cũng là nguyên nhân làm phát sinh nhiều loại tội phạm

khác. Hội đồng xét xử đủ căn cứ kết luận: Bị cáo Nông Minh T phạm tội: "Mua bán trái phép chất ma túy".

Xét về nhân thân bị cáo: Không có tiền án; Tiền sự.

Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải do vậy bị cáo được hưởng 01 (một) tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 điều 51 – Bộ luật hình sự. Ngoài ra bị cáo còn được hưởng 01 (một) tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đó là bố bị cáo được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất của Nhà nước được quy định tại khoản 2, Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Xét hành vi phạm tội của bị cáo Hội đồng xét xử xét thấy: Mức độ phạm tội của bị cáo là thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định thì mới đủ điều kiện để bị cáo cải tạo trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[4]. Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa về áp dụng điều luật theo điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử lý vật chứng căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và đề nghị xử phạt bị cáo T từ 7 – 8 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Hội đồng xét xử xét thấy là có căn cứ pháp luật cần được chấp nhận.

[5]. Phần tranh luận bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến gì tranh luận thêm.

[6]. Phần nói lời sau cùng bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo có cơ hội sửa lỗi lầm, sớm trở về với gia đình.

Đối với một người đàn ông có tên thường gọi là L, khoảng 40 tuổi, cao khoảng 1m 60, da ngăm đen tại B, huyện N, tỉnh B. Ngày 16/9/2020 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã phối hợp cùng với Công an xã B, huyện N, tỉnh B, tiến hành xác minh về người đàn ông đã bán ma túy cho Nông Minh T, nhưng qua kiểm tra nhân khẩu, hộ khẩu và các đối tượng tạm trú trên địa bàn không có ai có tên và đặc điểm như mô tả. Do đó không có cơ sở xử lý đối với người bán ma túy trên.

Đối với Lục Văn N, Trần Văn D, Trần Văn H, Hoàng Đức C, Đào Trọng B đã có hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”, ngày 21/10/2020 Công an huyện T đã ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo khoản 1, Điều 21, Nghị định 167/NĐ – CP, ngày 12/11/2013 của Chính phủ bằng hình thức cảnh cáo.

Đối với Lê Văn G Công an huyện T không ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, do hiện nay Lê Văn G đang chấp hành án tại trại giam Công an tỉnh C. Về hành vi “Trộm cắp tài sản”.

Do đó Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Lương Thị H do bản thân bà H không biết điều khiển xe mô tô nên đã cho chồng (T) số tiền 25.000.000,đ (Hai mươi năm triệu đồng) để mua xe và đứng tên đăng ký, mục đích để chở bà H đi lại hàng ngày. Khi bị cáo sử dụng xe vào việc mua bán trái phép chất ma túy bà không biết. Tại

phiên tòa bà H vợ của bị cáo T yêu cầu được trả lại chiếc xe trên là có căn cứ pháp luật cần được chấp nhận.

[7]. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ các Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Số tiền 4.368.000,đ (Bốn triệu ba trăm sáu mươi tám nghìn đồng) tạm thu giữ của Nông Minh T. Trong đó có 600.000,đ (sáu trăm nghìn đồng) là tiền do bán ma túy mà có, cần tịch thu xung ngân sách Nhà nước.

Số tiền còn lại là 3.768.000,đ (Ba triệu bảy trăm sáu mươi tám nghìn đồng) có nguồn gốc là tiền của bị cáo đi làm thuê và là tiền do bà H vợ của bị cáo buổi sáng ngày 08/9/2020 đưa cho mục đích để bị cáo trả tiền vật liệu xây dựng. Không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo. Cần trả lại cho bị cáo Nông M, được giữ lại để đảm bảo cho việc thi hành án.

- 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu MASSTEL, màu đen, viền đỏ bị cáo không sử dụng vào việc mua bán trái phép chất ma túy, cần được trả lại cho bị cáo.

- 01 (một) ví giả da màu nâu, đã bị rách, đã qua sử dụng. Cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 (một) chiếc điện thoại được đựng trong 01 (một) phong bì thư niêm phong theo đúng quy định. Mặt trước phong bì thư ghi: “ Điện thoại di động của ông Nông Minh T, sinh năm 1959, trú tại: Đ, xã Q, huyện T, tỉnh C”

- Toàn bộ số tiền được đựng trong 01 (một) phong bì thư niêm phong theo đúng quy định. Mặt trước phong bì thư ghi: “số tiền 4.368.000,đ (Bốn triệu ba trăm sáu mươi tám nghìn đồng) tạm giữ của Nông Minh T sinh năm 1959, trú tại: Đ, xã Q, huyện T, tỉnh C”

Tất cả các phong bì trên mặt sau có chữ ký của đối tượng và những người cùng tham gia lên phân giáp lai của phong bì thư, đóng 04 (bốn) con dấu của ban Công an xã Quang Trọng, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng tại 04 góc bì thư.

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA RSX, BKS: 11B1 433.64, xe bị vỡ gương chiếu hậu bên trái. Số máy JA 52E0 114707, số khung 3843LY 017648. Xe đã qua sử dụng. Chiếc xe là do bà Lương Thị H (vợ của bị cáo) đưa tiền cho bị cáo mua xe để sử dụng hàng ngày phục vụ gia đình, bị cáo sử dụng xe vào việc mua bán trái phép chất ma túy bà không hề biết. Do vậy cần được trả lại cho bà Lương Thị H chiếc xe trên.

[8]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Tuyên bố: Bị cáo Nông Minh T - phạm tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”.

- Xử phạt: Bị cáo Nông Minh T 07 (bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/9/2020.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tuyên:

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 600.000,đ (sáu trăm nghìn đồng) tiền do mua bán trái phép chất ma túy mà có.

Trả cho bị cáo gồm:

+ Số tiền 3.768.000,đ (Ba triệu bảy trăm sáu mươi tám nghìn đồng). Được giữ lại để đảm bảo cho việc thi hành án.

Toàn bộ số tiền được đựng trong 01 (một) phong bì thư niêm phong theo đúng quy định. Mặt trước phong bì thư ghi: “số tiền 4.368.000,đ (Bốn triệu ba trăm sáu mươi tám nghìn đồng) tạm giữ của Nông Minh T sinh năm 1959, trú tại: Đ, xã Q, huyện T, tỉnh C”.

+ 01 (một) chiếc điện thoại di động. Chiếc điện thoại được đựng trong 01 (một) phong bì thư niêm phong theo đúng quy định. Mặt trước phong bì thư ghi: “ Điện thoại di động của Nông Minh T, sinh năm 1959, trú tại: Đ, xã Q, huyện T, tỉnh C”.

Tất cả các phong bì trên mặt sau có chữ ký của đối tượng và những người cùng tham gia lên phân giáp lai của phong bì thư, đóng 04 (bốn) con dấu của ban Công an xã Q, huyện T, tỉnh C tại 04 góc bì thư.

Trả cho bà Lương Thị H: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA RSX, BKS: 11B1 433.64, xe bị vỡ gương chiếu hậu bên trái. Số máy JA 52E0 114707, số khung 3843LY 017648. Xe đã qua sử dụng

Tịch thu tiêu hủy - 01 (một) ví giả da màu nâu, đã bị rách, đã qua sử dụng.

Xác nhận toàn bộ vật chứng trên hiện đang được tạm giữ tại kho vật chứng của Chi cục thi hành án dân sự huyện T theo biên bản bàn giao vật chứng lập ngày 27/10/2020 giữa Công an huyện T và Chi Cục Thi hành án dân sự huyện T và sẽ được đưa ra thi hành khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự ; Điều 21, Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Nông Minh T phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm sung Ngân sách Nhà nước.

Án xử sơ thẩm công khai có mặt bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Có quyền kháng cáo Bản án hình sự sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

(Đã ký)

Hoàng Đức Anh

Trần Đình Vỹ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hương